

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh

Bà Nguyễn Thị Thúy Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ngh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ngh không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ngh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Khối 1, phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Khối 1, phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh;

Địa chỉ cư trú hiện tại: P.Pazmana 53/23, Sala, Cộng hòa Slôvakia; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn Anh Trần Ngọc Th trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh vào ngày 22 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khối 1, phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh. Đến năm 2017, chị Th đi xuất khẩu lao động tại nước Cộng hòa

Slovakia. Do khoảng cách về địa lý và chênh lệch múi giờ nên vợ chồng ít liên lạc, không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Hiện tại, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ngh giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Chí Th, sinh ngày 02/6/2015. Hiện con chung đang ở với anh và được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Ngọc Th cư trú tại Việt Nam nhưng do bận công việc nên anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Th đang cư trú và làm việc ở nước Cộng hòa Slovakia đã nhận được các tài liệu liên quan đến việc ly hôn do anh Trần Ngọc Thiện cung cấp. Vì vậy, chị đã gửi bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày:

Chị thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như anh Th trình bày là đúng. Chị và Anh Trần Ngọc Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh vào ngày 22 tháng 11 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khối 1, phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh. Đến năm 2017, chị đi xuất khẩu lao động sang nước Slôvakia, sau một thời gian thì vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, khoảng cách về địa lý nên vợ chồng ít liên lạc và không có nhiều thời gian để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân sẽ làm cho hai bên thêm mệt mỏi. Do đó, anh Th làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Chí Th, sinh ngày 02/6/2015. Nếu ly hôn, chị Th đồng ý giao con chung cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì hiện nay chị đang làm việc ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, Chị Nguyễn Thị Th đang cư trú và làm việc ở Slovakia, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến ngày càng phức tạp nên chị không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Khối 4, thị trấn Q, huyện Ngh, tỉnh Ngh nộp và nhận các loại giấy tờ, tài liệu tại Tòa án. Đồng thời, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ngh xét xử vụ án vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Ngọc Th có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Th hiện cư trú tại nước Cộng hòa Slovakia; trước xuất cảnh, chị Th có địa chỉ cư trú tại tỉnh Ngh, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ngh theo quy định tại Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì Chị Nguyễn Thị Th không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Ngọc Th cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn xin ly hôn, viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng không thể tham gia phiên tòa được nên anh đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Th đang cư trú ở nước Cộng hòa Slovakia, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi các tài liệu, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt (có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia) đến Tòa án nhân dân tỉnh Ngh và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh vào ngày 22 tháng 11 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khối 1, phường Th, thị xã C, tỉnh Ngh. Đến năm 2017, chị Th đi xuất khẩu lao động sang nước Slôvakia. Do bất đồng về quan điểm và khoảng cách về địa lý, chênh lệch múi giờ nên vợ chồng ít liên lạc, không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Hiện tại, Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Ngọc Th yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung. Hiện con chung đang ở với anh Th và được anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th và chị Th thỏa thuận: Giao cho Anh Trần Ngọc Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Chí Th, sinh ngày 02/6/2015 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th, chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Anh Trần Ngọc Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung;

Giao cho Anh Trần Ngọc Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Chí Th, sinh ngày 02/6/2015 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Ngọc Th và Chị Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003920 ngày 26/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ngh. Anh Trần Ngọc Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đặt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ngh;
- Cục THADS tỉnh Ngh;
- UBND phường Th, TX Cửa Lò;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh